

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST  
Ngày 22 tháng 4 năm 2021  
V/v tranh chấp về hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Xuân Dệt và Bà Nguyễn Thị Phi Khanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Sứ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-DS, ngày 10/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-DS, ngày 23/3/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Vũ Thế K (T), sinh năm 1962 (Có mặt);

Địa chỉ: 494 Phạm Văn Đ, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai

**Bị đơn:** Bà Ngụy Thị Đ (Nguyễn Thị S), sinh năm 1961 (Có mặt);

Địa chỉ: 161 Trường S, tổ 4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2020, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Vũ Thế K (T) trình bày:***

Giữa tôi và chị Ngụy Thị Đ (Nguyễn Thị S) có quan hệ mua bán thức ăn gia súc, tôi là người bán cám làm thức ăn cho lợn, tôi có bán cám cho chị Nguyễn Thị S, sau đó chị S thanh toán tiền cho tôi từ năm 2002 theo hình thức giao hàng trước thanh toán tiền sau. Tính đến ngày 21/02/2002 hai bên chốt nợ lại thì chị Nguyễn Thị S còn nợ tôi số tiền 24.000.000đ (Hai bốn triệu đồng) mua cám của tôi, đến năm 2020 chị S có thanh toán cho tôi thêm được 1.000.000đ, còn số tiền 23.000.000đ đến nay vẫn chưa thanh toán cho tôi. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị S trả cho tôi số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng). Tôi không đồng ý với ý kiến của bà S trả dần cho tôi mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra tôi không có yêu cầu nào khác.

***Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị S) trình bày:***

Tôi tên là Nguyễn Thị Đ nhưng tên ở nhà mọi người thường gọi tôi là Nguyễn Thị S. Tôi là người mua cám làm thức ăn cho lợn của anh Vũ Thế K (tên thường gọi ở nhà là T) từ năm 2002, tôi còn nợ của anh Vũ Thế K số tiền mua cám là 24.000.000đ. Đến năm 2020 tôi có trả thêm cho anh K được 1.000.000đ, còn lại 23.000.000đ chưa trả. Do điều kiện khó khăn, hoàn cảnh hiện nay tôi không có khả năng trả nợ, tôi xin trả dần cho anh K (T) mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa; bị đơn cư trú tại địa bàn thành phố Pleiku nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giữa bị đơn và nguyên đơn có xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa, theo đó ông K bán cho bà Đ (S) cám để nuôi lợn vào năm 2002. Quá trình mua bán diễn ra liên tục các bên giao hàng và thanh toán tiền theo hình thức giao hàng trước trả tiền sau. Tính đến ngày 21/2/2002 sau khi đối chiếu xác định bà Đ (S) còn nợ ông K (T) số tiền 24.000.000đ, đến năm 2020 bà Đ (S) trả thêm cho ông K được 1.000.000đ, số tiền nợ còn lại 23.000.000đ. Các bên đều thừa nhận đây là sự thật. Do đó đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định bà Đ (S) nợ ông K số tiền 23.000.000đ là sự thật. Bà Đ (S) xin được trả dần cho ông K số tiền này hàng tháng 500.000đ do hiện nay hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả nợ một lần, nhưng không được ông K chấp nhận, do đó cần buộc bà Đ (S) phải trả cho ông K số tiền này.

Giao dịch giữa các bên được xác lập trước ngày 01/01/2017, nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, mặt khác năm 2020 bị đơn vẫn thực hiện thanh toán cho nguyên đơn 1.000.000đ, nên HĐXX sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 theo quy định tại điểm b Khoản 1 của Điều 688.

[3] Về tiền án phí:

Cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị S) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Vũ Thế K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Vũ Thế K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

***-Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 91, 92, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;***

***-Áp dụng các Điều 275, 280, 385, 430, 433, 440 và điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;***

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thế K (T).

Buộc bà Ngụy Thị Đ (Nguyễn Thị S) phải trả cho ông Vũ Thế K (T) số tiền 23.000.000đ (Hai ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

***-Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;***

**1.**Buộc bà Ngụy Thị Đ (Nguyễn Thị S) phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán là 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

**2.**Ông Vũ Thế K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Vũ Thế K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005894, ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Tiến**